

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 04 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất vải dệt thoi, quy mô 19.202.400 m/năm của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon (thay đổi nhiên liệu sử dụng cho lò hơi)” do Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 30.2023/CV-FT ngày 16/11/2023 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 81/TTr-BQL ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: Lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, KCN Chơn Thành I, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam)) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất vải dệt thoi, quy mô 19.202.400 m/năm của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon (thay đổi nhiên liệu sử dụng cho lò hơi)” (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất vải dệt thoi, quy mô 19.202.400 m/năm của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon (thay đổi nhiên liệu sử dụng cho lò hơi).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, KCN Chơn Thành I, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam)).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2160316246 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/8/2018, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24/7/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801183086 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 27/8/2018, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 28/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 3801183086.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất vải dệt thoi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô A4.2, A4.3, A4.6, A4.7, KCN Chơn Thành I, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có tổng diện tích 40.001,7m²; trong đó:

+ Các hạng mục Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon thuê lại từ Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam): 26.494,45m² (bao gồm: Nhà xưởng 1; nhà xưởng 2; khu lưu giữ chất thải, hóa chất; nhà lò hơi...).

+ Các hạng mục do Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) quản lý, vận hành: 1.408m² (bao gồm: 500m² diện tích kho thành phẩm tại nhà xưởng 1; 900m² diện tích hệ thống xử lý nước thải công suất 2500 m³/ngày và 8 m² diện tích kho chứa chất thải nguy hại).

+ Các hạng mục Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon và Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) sử dụng chung: 12.099,25m² (cây xanh, đường nội bộ).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất sản phẩm vải dệt thoi với công suất 19.202.400 m/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty CP ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành, Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày tháng năm 2023 đến ngày **19 tháng 10 năm 2033**).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận

Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV CN Future Tycoon;
- Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam);
- Công ty CP ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-41GP 3011).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~142~~.../GPMT-UBND
ngày ~~04~~/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon đã thỏa thuận đầu nôi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) theo các văn bản: Hợp đồng thuê nhà xưởng số SC-FT/TNX001/2019 ngày 01/10/2018, Phụ lục Hợp đồng số SC-FT/TNX001/2023 ngày 20/10/2023 và Biên bản thỏa thuận ngày 01/01/2020.

Phương án tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ dự án của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon được thực hiện theo Công văn số 4163/UBND-KT ngày 16/11/2020, Giấy phép môi trường số 128/GPMT-UBND ngày 19/10/2023 do UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý.

- Nước thải sản xuất được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án theo hệ thống thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày đêm của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý. Tọa độ điểm thu gom, đầu nôi nước thải: X = 538437, Y = 1259548 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) chịu trách nhiệm trước pháp luật về nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon xả ra ngoài môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Do Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) thực hiện.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Khi hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) xảy ra sự cố, Công ty TNHH MTV Future Tycoon có trách nhiệm phối hợp và tạm ngừng các hoạt động có phát sinh nước thải cho đến khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường trở lại. Sau khi Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) khắc phục sự cố xong, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Future Tycoon tiếp tục hoạt động sản xuất khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thực hiện chuyển giao nước thải theo quy định tại Điều 74, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Công văn số 1239/BQL-QHXDTNMT ngày 11/12/2020 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

3.2. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải công suất 2.500 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý.

3.3. Có sổ nhật ký ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình chuyển giao nước thải.

3.4. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 2.
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1422.../GPMT-UBND
ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt dầu FO1S.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ khu vực sản xuất (công đoạn dệt vải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 538593; Y = 1259540 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải sau xử lý được xả ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

- Đối với nguồn phát sinh khí thải không có dòng khí thải (Nguồn số 02) phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt dầu FO1S được thu gom bằng đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý, sau đó xả ra ngoài môi trường thông qua ống thoát khí thải cao 14 mét.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát (đường kính 0,55 mét, chiều cao 14 mét).

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động của lò hơi để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động lò hơi tiếp tục khi hệ thống xử lý đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (dòng khí thải số 01).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $k_p = 1$, $k_v = 1$.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải lò hơi theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải. Đối với bụi phát sinh hoạt động dệt vải, sử dụng các máy hút bụi di động để thu gom bụi phát sinh, đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *1.4.2...*/GPMT-UBND
ngày *04/12*/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất vải dệt thoi (máy dệt, máy hồ sợi, máy nối sợi...).
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của 02 lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động máy bơm tại hệ thống xử lý nước cấp phục vụ sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	Nguồn số 01	538440	1259548
2	Nguồn số 03	538593	1259540
3	Nguồn số 03	538452	1259531

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 142.../GPMT-UBND
ngày 07./12./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Ký hiệu
1	Dầu thải	15 01 07	15	NH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	3	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20	NH
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	50	KS
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	100	KS
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	70	KS
8	Bao tay, giẻ lau, vải thấm nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	15	KS
9	Cặn thải từ quá trình vệ sinh lò hơi	04 02 05	2	KS
10	Cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	04 02 03	5	KS
	Tổng cộng		285	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Ký hiệu
1	Sợi Polyeste, sợi nylon, sợi TC hồng	12 09 09	0,135	TT-R
2	Giấy thải (ống giấy quấn sợi, cuộn vải; thùng đóng gói)	18 01 05	8,12	TT-R
3	Bao bì thải khác	18 01 11	0,01	TT-R
	Tổng cộng		8,265	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 160 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 32 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, dán nhãn biển báo...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

2.3.2. Kho lưu chứa

Không có kho lưu chứa riêng.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại phát sinh theo

đúng quy định.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5.
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~A4.2~~...../GPMT-UBND
ngày ~~04~~../~~12~~/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nước thải phát sinh từ dự án được thu gom, chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Silver Coast (Vietnam) để xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra môi trường theo đúng quy định.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.